



CÁC PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023

1. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường - Mã phương thức xét tuyển 301.

2. Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023

Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 theo từng tổ hợp bài thi/môn thi - Mã phương thức xét tuyển 100.

Điểm xét tuyển = Tổng điểm 3 bài thi/môn thi theo tổ hợp đăng ký xét tuyển + Điểm ưu tiên (nếu có).

3. Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT đối với thí sinh trường chuyên/trọng điểm quốc gia

Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT của thí sinh học 3 năm (lớp 10, 11, 12) tại trường THPT chuyên toàn quốc/trường THPT trọng điểm quốc gia, tốt nghiệp năm 2023 theo từng tổ hợp môn xét tuyển - Mã phương thức xét tuyển 200.

Điểm xét tuyển = Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp đăng ký xét tuyển + Điểm ưu tiên (nếu có)

Trong đó, điểm từng môn trong tổ hợp đăng ký xét tuyển được xác định là trung bình cộng điểm học tập 3 năm lớp 10, 11, 12 của môn đó.

4. Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy

4.1. Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia (ĐHQG) Hà Nội tổ chức năm 2023 - Mã phương thức xét tuyển 402a

Điểm xét tuyển = Tổng điểm bài thi ĐGNL*30/150 + Điểm ưu tiên (nếu có)

4.2. Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá tư duy của Đại học Bách Khoa Hà Nội - Mã phương thức xét tuyển 402b

Điểm xét tuyển = Tổng điểm bài thi ĐGTD*30/100 + Điểm ưu tiên (nếu có).

Lưu ý: Thí sinh phải tham gia kỳ thi TN THPT năm 2023 để xét ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường theo quy định trong mục 1.5.

5. Xét tuyển kết hợp

5.1. Xét tuyển kết hợp chứng chỉ quốc tế còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký xét tuyển với kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 - Mã phương thức xét tuyển 409

Điểm xét tuyển = (Điểm thi môn Toán + Điểm thi môn còn lại trong tổ hợp đăng ký xét tuyển (không bao gồm môn Ngoại ngữ) + Điểm quy đổi CCQT (theo Bảng 01)*2)*3/4 + Điểm ưu tiên (nếu có).

5.2. Xét tuyển kết hợp chứng chỉ quốc tế (CCQT) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký xét tuyển với kết quả học tập cấp THPT - Mã phương thức xét tuyển 410

Xét tuyển kết hợp chứng chỉ quốc tế (CCQT) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký xét tuyển với điểm trung bình cộng điểm học tập 3 năm cấp THPT (Điểm học bạ) môn Toán và Điểm trung bình cộng điểm học tập 3 năm cấp THPT môn còn lại trong tổ hợp đăng ký xét tuyển (không bao gồm môn Ngoại ngữ).

Điểm xét tuyển = (Điểm học bạ môn Toán + Điểm học bạ môn còn lại trong tổ hợp + Điểm quy đổi CCQT (theo Bảng 01)*2)*3/4 + Điểm ưu tiên (nếu có).



5.3. Xét tuyển kết hợp giải Học sinh giỏi (HSG) với kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 - Mã phương thức xét tuyển 500

Điểm xét tuyển = Tổng điểm 3 bài thi/môn thi theo tổ hợp đăng ký xét tuyển + Điểm thưởng giải HSG (theo Bảng 02) + Điểm ưu tiên (nếu có).

Bảng 1. Quy định điểm quy đổi chứng chỉ quốc tế (CCQT)

Loại chứng chỉ	Điểm	10	10	10	10	10	Ngành (chuyên ngành) được đăng ký xét tuyển
	Hệ số quy đổi	1,2	1,1	1,0	0,9	0,8	
	Điểm quy đổi	12	11	10	9	8	
HSK	Cấp độ 6			Cấp độ 5		Cấp độ 4	Ngôn ngữ Trung Quốc (Tiếng Trung thương mại)
TCF	Từ 600	550-599	500-549	450-499	400-449		Quản trị kinh doanh (Tiếng Pháp thương mại)
DELFI	C2	C1		B2			
IELTS Academic	Từ 7.5	7.0	6.5	6.0	5.5		Tất cả các ngành (chuyên ngành)
TOEFL iBT	Từ 90	83-89	74-82	63-73	50-62		
SAT	Từ 1401	1301 - 1400	1201 - 1300	1101- 1200	1000- 1100		
ACT	Từ 31	28-30	25-27	22-24	20-21		

Bảng 2. Quy định điểm thưởng giải học sinh giỏi

Giải HSG	Điểm thưởng				Ngành (chuyên ngành) được đăng ký xét tuyển
	5	3	2	1	
Loại giải					
HSG cấp quốc gia	Giải KK				
HSG cấp Tỉnh/TP		Giải Nhất	Giải Nhì	Giải Ba	
Môn đạt giải					
Toán học/Vật Lý/Hóa học/Tiếng Anh/Ngữ văn					Tất cả các ngành (chuyên ngành)
Tiếng Pháp					Quản trị kinh doanh (Tiếng Pháp thương mại)
Tiếng Trung					Ngôn ngữ Trung Quốc (Tiếng Trung thương mại)
Tin học					- Hệ thống thông tin quản lý (Quản trị HTTT) – chương trình chuẩn và chương trình định hướng nghề nghiệp - Kinh tế số (Phân tích kinh doanh trong môi trường số)